

Số: 16 /2021/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Khoản 1, Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 136/TTr-STNMT ngày 19/03/2021 về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và Công văn số 1149/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 7/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06/06/2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin;
- Công TTĐT tỉnh Bình Phước;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 130).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**Kí CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Minh

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh Bình Phước được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trừ thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và nghiên cứu khoa học.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, xây dựng, quản lý và tổ chức lưu trữ.



3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước phải phù hợp với Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 6. Sự tham gia của tổ chức, cá nhân.

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương II
THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao: Xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các đơn vị có liên quan và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình để xây dựng dự thảo kế hoạch; chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý giao nộp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt;

c) Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng cho nhà nước phục vụ lợi ích chung của đất nước.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 11. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh) 01 (một) bộ dữ liệu giấy (bản chính hoặc bản gốc), 01 (một) bộ dữ liệu số đúng theo tiêu chuẩn dữ liệu chuyên ngành.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định.



Chương III

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập sẽ được đánh giá, phân loại, xử lý, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường như sau:

1. Các bộ dữ liệu dạng giấy và dạng số do các tổ chức, cá nhân giao nộp quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này được lưu trữ, phân loại tại hệ thống điều hành dữ liệu tài nguyên và môi trường, được công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá thì dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt.

3. Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Thông tin, dữ liệu được cập nhật vào dữ liệu tài nguyên môi trường. Hồ sơ, tài liệu dạng giấy được số hóa và xử lý, đính kèm với thông tin thuộc tính.

Điều 13. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Để đảm bảo vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được ổn định lâu dài: Căn cứ vào mô hình hệ thống, cơ cấu tổ chức và giải pháp công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường phải xây dựng các quy chế quản lý, quy trình - vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hiện hành sau:

1. Quy trình tra cứu, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quy trình về đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin và an toàn cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng kinh phí đảm bảo về việc quản lý cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần sao chép và các trường hợp sao lưu đột xuất khác;

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hư hỏng thiết bị một cách khách quan;

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang theo quy định và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm phải tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống thông tin điện tử.

Điều 14. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 15. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phải có các biện pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin tại nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Chương IV

**KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN,
DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 16. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh; trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 17. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường qua trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, qua trang điều hành tác nghiệp của tỉnh Bình Phước, qua dịch vụ tin nhắn SMS.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu như sau:

a) Các tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) nộp qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu hoặc nộp trực tiếp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố hoặc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì Văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký các nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được các cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu.

c) Trường hợp đặc biệt cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu của các Đoàn thanh tra, kiểm tra đến làm việc tại Sở hoặc trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ về tài nguyên môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật như sau:

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 18. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể, yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Chương V
KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU,
CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 19. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 20. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyền truy cập để khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh thông qua mạng điện tử.

2. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy định hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường điện tử.

Điều 21. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU,
CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; phê duyệt, tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm sau:

a) Hàng năm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và tiến hành thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán kinh phí cho công tác thu thập, xử lý, tổ chức, quản lý, khai thác thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường cấp tỉnh chuyển Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ theo quy định;

c) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức, quản lý, thông tin dữ liệu trên môi trường điện tử, xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu, công thông tin tài nguyên và môi trường;

d) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu nhập quản lý, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Xem xét, thẩm định dự toán kinh phí về điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc bảo mật thông tin và thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

5. Các Sở, ban, ngành tỉnh: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh) 01(một) bộ dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh) hàng năm theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

7. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường và trường tại Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện thu thập, quản lý lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng;

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

d) Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình;

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 21/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu, thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 16 /2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Mẫu số 01	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 02	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 03	Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Mẫu số 01
Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

.....

Số CMTND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

....., ngày ...tháng... năm ...

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Mẫu số 02

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:
2. Nơi đang làm việc, học tập:
3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu:
4. Số điện thoại, fax, E-mail
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp:

.....
.....

6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....
.....

7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:.....

.....

....., ngày ...tháng... năm ...

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 03

Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN,
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /HĐ

Căn cứ Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày.... tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):

Đại

diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: Email:

Số tài khoản:.....

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện

thoại..... Fax: Email:

Số tài khoản:.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)

.....
.....

.....**Điều 2.** Thời gian thực hiện:.....ngày, kể từ
ngày tháng..... năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:.....
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
- Nhận gửi qua đường bưu điện:.....

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

(Bằng chữ:..... đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:..... đồng

Số tiền đặt trước:..... đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):.....

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....
 ...

Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

BÊN B

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức,
ghi họ tên đối với cá nhân)

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)



